| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TAM BÌNH**<br>TỈNH VĨNH LONG | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 44/2022/DS-ST
Ngày: 06-05-2022
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Bảo

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phan Kiên Nhẫn
2. Ông Nguyễn Văn Mua

***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình**,** tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Ông Lê Huỳnh Long - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2021/TLST-DS, ngày 09/12/2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-DS, ngày 09/03/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-DS, ngày 08/04/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Ông **Trần Hoàng T1**, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 31A, PTB, Phường A, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/05/2021, có mặt).

- *Bị đơn*: 1. Anh **Trần Quang H**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

2. Chị **Nguyễn Thị Hồng P**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có ông Trần Hoàng T1 làm đại diện trình bày:*

Nguyên vào các năm 2017, 2018 thì bà Nguyễn Thị Hồng P là cháu ruột của bà T có đến gặp bà T để hỏi mượn tiền và vàng cụ thể như sau:Vàng 18K: Một lượng rưỡi

(15 chỉ vàng 18K); vàng 24K: Một lượng hai (12 chỉ vàng 24K); tiền Đài Loan: 40.000 Đài tệ; tiền Việt Nam: 1.077.980.000đ.

Lý do mượn: Để kinh doanh, trả tiền vay Ngân hàng, lo cho kinh tế gia đình của chị P và anh H. Tuy nhiên sau khi mượn số vàng, tiền nói trên thì chị P, anh H tìm cách né tránh và không chịu trả số tiền, vàng nói trên cho bà T. Bà T có làm đơn thưa ra Ban nhân dân ấp A, xã B để trình bày sự việc trên và mời chị P, anh H lên để giải quyết về việc thiếu tiền của bà T. Tại biên bản hòa giải ngày 14/01/2019 của Ban nhân dân ấp A, xã B, huyện Tam Bình đã tiến hành hòa giải sự việc thiếu tiền, vàng giữa bà T và chị P. Tại buổi hòa giải thì chị P cũng thừa nhận còn thiếu bà T số tiền, vàng nói trên và cam kết sẽ trả tiền, vàng cho bà T từ thời gian hòa giải đến tết Nguyên đán năm 2019, riêng số tiền 1.077.980.000đ thì bà T đồng ý lấy tiền chẵn là 1.000.000.000đ.

Tuy nhiên khi đến hạn, chị P, anh H vẫn không thực hiện việc trả nợ, bà T có tìm vợ chồng của chị P, anh H để đòi tiền, vàng thì vợ chồng chị P, anh H có tìm đến gặp bà T để thương lượng việc trả nợ, nhưng vẫn không trả. Sau đó chị P bỏ nhà đi, nên đến nay anh H, chị P vẫn không trả nợ cho bà T. Do đó bà Nguyễn Thị T yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Hồng P, anh Trần Quang H phải trả cho bà số tiền và vàng như sau: Tiền Việt Nam: 1.077.980.000đ; tiền nước ngoài: 40.000 đài tệ (tiền Đài Loan), tính bằng tiền là 33.179.000đ (tương đương 829,475đ/1 đài tệ).Vàng: 15 chỉ vàng 18K, tính bằng tiền là 57.000.000đ; 12 chỉ vàng 24K, tính bằng tiền là 67.200.000đ. Tổng số tiền bà Phúc, ông H phải trả cho bà T là 1.235.359.000đ, nhưng bà T chỉ yêu cầu trả số tiền 1.157.379.000đ, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Quang H trình bày:* Anh là chồng chị Nguyễn Thị Hồng P, trước đây vợ chồng có mở đại lý bia, nước ngọt, nên lúc đó cần tiền để lấy bia, nước ngọt nên mượn của bà T. Qua yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T thì anh đồng ý cùng chị P trả số tiền 1.157.379.000đ cho bà Tam, nhưng vợ không có mặt ở địa phương nên không biết làm sao, hiện tại không có khả năng trả vì bản thân anh đi làm hồ thu nhập bấp bênh, còn phải nuôi 02 con nhỏ. Khi nào Phúc về thì gặp chỗ bà T để thương lượng cách trả nợ cho bà T.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.*

- *Tại phiên tòa,* nguyên đơn trình bày: Ngày 06/05/2022 thì giá vàng 24K là 5.500.000đ/1chỉ; giá vàng 18K là 4.140.000đ/1chỉ, giá đài tệ là 773,63đ/1đài tệ, nên số tiền yêu cầu 1.159.045.200đ, nhưng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có ông Trần Hoàng

T1 làm đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu là yêu cầu bị đơn anh Trần Quang H, chị Nguyễn Thị Hồng P có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền, vàng tương đương số tiền là 1.157.379.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến tại phiên tòa*:

*Về tố tụng*: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung*: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, buộc bị đơn anh Trần Quang H, chị Nguyễn Thị Hồng P phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền, vàng trị giá bằng tiền là 1.157.379.000đ.

Về án phí: Buộc anh H, chị P liên đới chịu án phí là 46.721.370đ.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có trách nhiệm trả lại cho bà tiền và vàng đã cho mượn, do quyền sở H số tiền, vàng sẽ bị thay đổi kể từ thời điểm bị đơn nhận tiền, vàng để sử dụng, đến hạn bị đơn có nghĩa vụ trả lại số tiền, vàng cùng loại với số tiền mà nguyên đơn đưa. Do tiền, vàng là vật cùng loại không phải vật đặc định, nên đây không phải là hợp đồng mượn tài sản mà là hợp đồng vay tài sản; bị đơn cư trú tại xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu anh Trần Quang H, chị Nguyễn Thị Hồng P trả tiền và vàng đã cho vay, ngoài ra không có yêu cầu gì khác, bị đơn anh Trần Quang H đồng ý trả số tiền, vàng trên cho bà T.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì nguyên đơn có xuất trình chứng cứ là "*Tờ cam kết"* viết tay trên giấy tập học sinh, có chị Nguyễn Thị Hồng P ký tên vào ngày 10/1/2019, và "*Biên bản hòa giải*" ngày 14/01/2019 của Ban nhân dân ấp A, xã B mà phía nguyên đơn cung cấp là bị đơn thừa nhận nợ và đồng ý trả nhưng đến nay chưa trả số tiền, vàng nào như nguyên đơn khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị đơn chị P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nhưng giữa bà T với chị P, có thỏa thuận lập văn bản vay tiền, anh H thừa nhận có vay tiền và đồng ý trả nợ nên sự việc này không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị T cho chị Nguyễn Thị Hồng P vay tiền, vàng để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh, theo lời trình bày của anh H là để lấy bia, nước ngọt về bán vì vợ chồng có mở địa lý bia, nước ngọt tạo ra thu nhập nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, chị P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, việc vắng mặt tại nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết nên việc vắng mặt này thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b, khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự 2015, chị P phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt đó; còn bị đơn anh H là chồng của chị P đồng ý trả nợ, nên anh H phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị P trả số tiền cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét việc nguyên đơn chỉ yêu cầu trả tiền 1.157.379.000đ so với số tiền cho vay ban đầu là có lợi cho bị đơn và không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét về lãi suất, chỉ buộc bị đơn số tiền yêu cầu là 1.157.379.000đ.

Từ những phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T buộc bị đơn anh Trần Quang H, chị Nguyễn Thị Hồng P có trách nhiệm liên đới trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.157.379.000đ.

[2.2]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí số tiền 1.157.379.000đ như sau: [(400.000.000đ x 5%) + (400.000.000đ x 4%) + (357.379.000đ x 3%)] = 46.721.370đ.

[3]. Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 92, 147, 227, 228, 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 280, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

[1]. Buộc bị đơn anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị Hồng P phải liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.157.379.000đ (*Một tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. *Về án phí*: Buộc anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị Hồng P liên đới nộp 46.721.370đ (*Bốn mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn, ba trăm bảy mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí là 23.028.151đ (*Hai mươi ba triệu, không trăm hai mươi T nghìn, một trăm năm mươi mốt đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0010368, ngày 09/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND huyện Tam Bình*;
- *Chi cục THADS huyện Tam Bình*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Bảo**